

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30-5-2019

V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Thu Hiền

Ông Trần Trọng Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông PPD; địa chỉ: Số 179 A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà NTT; địa chỉ: Số 179 A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02-4-2019 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai, nguyên đơn là ông PPD trình bày:

Ông PPD và bà NTT xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hải Phòng từ ngày 16-4-2010. Quá trình chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung, không thông cảm được với nhau, hai bên đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ nhưng mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Từ tháng 12 năm 2018, bà NTT sống ly thân với ông PPD, không ai quan tâm đến ai. Do việc chung sống giữa ông PPD và bà NTT không hạnh phúc, nên ông PPD đề nghị được ly hôn bà NTT.

Về con chung: Có 02 con chung là C, sinh ngày 07-7-2010 và D, sinh ngày 15-5-2012. Hiện nay, hai con chung đang sống cùng ông PPD. Vì vậy, ông PPD đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và sẽ tự thỏa thuận với bà NTT về việc cấp dưỡng nuôi con, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Ông PPD và bà NTT tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn, bà NTT vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Bản tự khai và Đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, bà NTT có ý kiến như sau: Bà và ông PPD có quan hệ hôn nhân như ông PPD đã trình bày ở trên. Quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa hai bên rất trầm trọng, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, nên bà NTT và ông PPD đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay. Việc ông PPD đề nghị được ly hôn với bà, bà NTT đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con chung là C, sinh ngày 07-7-2010 và D, sinh ngày 15-5-2012. Hiện nay, bà NTT bận công việc, không có nhiều thời gian chăm sóc con, nên bà NTT đề ông PPD được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Nếu có yêu cầu khác về việc nuôi con, bà NTT sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết
Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 49, Điều 97, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn, bà NTT vắng mặt, đã nộp cho Tòa án Đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt đề ngày 26-5-2019. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Xét thấy, ông PPD và bà NTT xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A nên hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, thấy rằng quá trình chung sống giữa ông PPD và bà NTT đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không có tiếng nói chung, không thông cảm được với nhau. Hai bên đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn, nhưng vẫn không khắc phục được, nên đã sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2018 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên ông PPD đề nghị ly hôn với bà NTT. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho ông PPD ly hôn với bà NTT là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là C, sinh ngày 07-7-2010 và D, sinh ngày 15-5-2012. Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Tại bản tự khai, bà NTT trình bày do bận công việc, không có nhiều thời gian chăm sóc con, nên bà NTT để ông PPD được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Nếu có yêu cầu khác về việc nuôi con, bà NTT sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác. Xét thấy, hiện tại hai con chung đang ăn ở, học tập, sinh hoạt cùng bố là ông PPD. Thấy rằng, việc giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai con chung cho ông PPD trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, ông PPD và bà NTT đề nghị tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đề nghị tự thỏa thuận phân chia. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông PPD và bà NTT được ly hôn.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu C, sinh ngày 07-7-2010 và cháu D, sinh ngày 15-5-2012 cho ông PPD trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận với nhau, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Ông PPD phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008183, ngày 17-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Ông PPD đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND phường A,
B, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Huyền